TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **41**/2025/HNGĐ - ST Ngày 25 - 9 - 2025 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lợi

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Đức Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2025/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/9/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST - HNGĐ ngày 15/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 (có mặt)

Căn cước công dân số: 038193003907; cấp ngày 19/3/2022

ĐKHKTT: Thôn Y, xã C, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn M, xã B, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Tuấn T1, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 038094032194; cấp ngày 01/4/2022

ĐKHKTT: Thôn Y, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 08/7/2025, bản tự khai ngày 06/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Tuấn T1 xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C1, huyện C2, tỉnh Thanh Hóa nay là UBND xã C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04/12/2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T1 không chung thủy, thường xuyên rượu chè và về khuya. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T1 không thay đổi. Chị đã về nhà ngoại ở từ ngày 10/7/2025, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Tuấn T1.

- Về con chung: Chị và anh T1 có 2 con chung là Đỗ Thị Anh T2, sinh ngày 28/11/2014 và Đỗ Tuấn T3, sinh ngày 13/9/2016. Hiện nay chị và 2 con đang ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn M, xã B, tỉnh Thanh Hóa. Chị làm công nhân tại Công ty INNOFLOW VI NA - Thanh Hóa, thu nhập trung bình mỗi tháng là 9.000.000đ. Chị cam đoan có đủ điều kiện nuôi 2 con nên chị có nguyện vọng xin được nuôi 2 con. Về cấp dưỡng: Chị yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng).

- Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Đỗ Tuấn T1:*

Tòa án đã thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Tuấn T1. Nhưng trong thời hạn quy định anh T1 không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

** Tại Biên bản xác minh ngày 18/8/2025, ông Đỗ Tuấn T4 - bố đẻ của anh Đỗ Tuấn T1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Tuấn T1 và chị Nguyễn Thị T có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2013 tại UBND xã C1, huyện C2, tỉnh Thanh Hóa nay là UBND xã C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh T1 và chị T đều đi làm ăn ở nước ngoài. Sau một thời gian anh T1 và chị T về, quá trình vợ chồng chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn, cãi vả do mâu thuẫn về kinh tế. Cách đây 1 tháng chị T đã dọn đồ về nhà ngoại ở. Hiện nay anh T1 đang đi làm ở Bắc Ninh, địa chỉ cụ thể ông không nắm rõ, thường xuyên liên lạc về với gia đình. Gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo ngay lại cho anh T1 biết. Tuy nhiên, do bận công việc nên anh T1 không về Tòa án làm việc được. Quan điểm của anh trao đổi lại với ông như sau: Anh không muốn ly hôn vì muốn 2 con có cả bố và mẹ. Chị T đề nghị ly hôn thì chị T tự giải quyết.

- Về con chung: Anh và chị T có 2 con chung là Đỗ Thị Anh T2, sinh ngày 28/11/2014 và Đỗ Tuấn T3, sinh ngày 13/9/2016. Hiện nay 2 con đang ở với chị T. Nếu chị T có nguyện vọng xin được nuôi 2 con thì anh cũng thống nhất giao 2 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng anh thống nhất mức cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng).

Về tài sản và nợ chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa*: Chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được

ly hôn với anh Đỗ Tuấn T1. Về con chung: Chị T chị có nguyện vọng xin được nuôi 2 con và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ Tuấn T1.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 2 cháu Đỗ Thị Anh T2, sinh ngày 28/11/2014 và Đỗ Tuấn T3, sinh ngày 13/9/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng).

+ Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Đỗ Tuấn T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn và nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 BLTTDS.

Anh Đỗ Tuấn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh T1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Tuấn T1 dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mất mát niềm tin. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2025 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T1. Đối với anh T1 không muốn ly hôn, tuy nhiên Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh T1 vẫn vắng mặt, không có biện pháp hòa giải đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh T1 có 2 con chung là Đỗ Thị Anh T2, sinh ngày 28/11/2014 và Đỗ Tuấn T3, sinh ngày 13/9/2016. Hiện nay 2 con đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng xin được nuôi 2 con. Nếu vợ chồng ly hôn anh T1 thống nhất giao 2 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Đỗ Thị Anh T2 và Đỗ Tuấn T3 cũng có nguyện vọng xin được với mẹ. Hiện nay chị T làm công nhân, có thu nhập ổn định, có sự hỗ trợ của ông bà ngoại nên đảm bảo điều kiện nuôi 2 con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để tránh xáo trộn cuộc sống của 2 cháu, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con trẻ và phù hợp nguyện vọng của các đương sự cần giao 2 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng, anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9/2025 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ Tuấn T1.

2. Về con chung: Giao 2 cháu Đỗ Thị Anh T2, sinh ngày 28/11/2014 và Đỗ Tuấn T3, sinh ngày 13/9/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đỗ Tuấn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9/2025 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Anh Đỗ Tuấn T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005565 ngày 11/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận chị T đã nộp đủ án phí. Anh Đỗ Tuấn T1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã C;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà